

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2023/DS - PT

Ngày 26 - 5- 2023

*“V/v: Yêu cầu trả lại diện tích bị
lấn chiếm và bồi thường thiệt hại
về đất”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ma Hồng Thắng

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Thanh Hương

Ông Ma Ngọc Trung

- Thư ký phiên tòa: Bà La Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên
tòa:** Bà Ngô Thị Vỹ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 10/2023/TLPT-DS ngày 06 tháng 3 năm 2023 về việc *“Yêu cầu trả lại diện tích bị lấn chiếm và bồi thường thiệt hại về đất”*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 01/2023/DS-ST, ngày 05/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện S.D, tỉnh Tuyên Quang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 25/2023/QĐ-PT, ngày 05 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Thanh X**, sinh năm: 1945.

Địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn D, huyện S.D, tỉnh Tuyên Quang - Vắng mặt;

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Thanh X : Ông Nguyễn Văn N, sinh năm: 1948 - Có mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố Q, thị trấn D, huyện S.D, tỉnh Tuyên Quang.

2. Bị đơn: Ủy ban nhân dân huyện S.D, tỉnh Tuyên Quang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Giang T.A – Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S.D, tỉnh Tuyên Quang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Đức H - Chức vụ: Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện S.D, tỉnh Tuyên Quang – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Minh T - Sinh năm: 1950.

Nơi ĐKKHKT: Tập thể Đại học Luật, phường V, quận C, thành phố H .

Nơi đăng ký tạm trú: Số nhà B15, cư xá Nhiêu Tứ, hẻm 69 đường T, phường 7, quận P, thành phố M- Có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn - Ông Nguyễn Văn N ; địa chỉ: Tổ dân phố Q, thị trấn D, huyện S.D, tỉnh Tuyên Quang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, các lời khai tại Tòa án, tại phiên tòa, nguyên đơn và người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:

Năm 1962, gia đình bà Hoàng Thị C khai phá được diện tích đất tại khu vực đầu cầu S (khu vực tượng đài) và sử dụng ổn định. Sau đó, diện tích đất đã được đại diện chính quyền xã, Hội Nông dân và Đoàn Thanh tra xác minh vào năm 1991 bằng Biên bản có nội dung như sau: “Bà Hoàng Thị C có đơn xin đăng ký Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 04/9/1990. Ghi cụ thể tờ bản đồ số 18, thửa 329 diện tích 1.910m² - loại ruộng đất thổ cư. Tờ bản đồ số 18, thửa đất 398 diện tích 2.450m² loại ruộng đất là đất màu...” (Biên bản được đại diện chính quyền xã là ông Lương X.H ký và đại diện Đoàn Thanh tra, có chữ ký, xác nhận của người có thẩm quyền). Hàng năm, bà C đóng thuế đầy đủ cho Nhà nước. Năm 1990, bà Hoàng Thị C có xây dựng 01 ngôi nhà 03 gian lợp ngói; 01 gian quán bán hàng và đồng thời cho 05 hộ dân khác mượn để dựng quán bán hàng trên một phần diện tích đất nói trên. Ngày 05/3/1991, bà C chuyển nhượng 280m² đất cho ông Nguyễn V.T (toàn bộ phần diện tích có ngôi nhà 03 gian lợp ngói). Sau khi chuyển nhượng cho ông V.T, diện tích đất còn lại của bà C là 2.170m². Khi mua bán có viết giấy chuyển nhượng của bà C và con trai bà C là ông Nguyễn Thanh X đã ký, đồng thời có xác nhận của Hội nông dân thôn L, UBND xã K, huyện S.D, tỉnh Tuyên Quang (Như vậy, về mặt pháp lý, ông Nguyễn V.T mua đất, trên đất có nhà đã được chính quyền thừa nhận là hợp pháp. Cũng theo biên bản xác nhận này thì thửa đất nói trên không phải đất thuộc Xí nghiệp Nông Công nghiệp chè Tân Trào). Gia đình bà C tiếp tục sử dụng diện tích đất đó. Năm 1994, Ủy ban nhân dân huyện S.D, tỉnh Tuyên Quang tiến hành tháo dỡ, yêu cầu gia đình bà C phải rời khỏi diện tích đất 2170m² để Ủy ban nhân dân huyện S.D, tỉnh Tuyên Quang làm tượng đài. Khi Ủy ban nhân dân huyện S.D, tỉnh Tuyên Quang tiến hành tháo dỡ, thu hồi lại diện tích đất của bà C thì không có Quyết định thu hồi và cũng không có Văn bản, thông báo gì khác. Diện tích đất thu hồi theo Quyết định số: 218/UB-QĐ ngày 25/4/1994 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang không có diện tích đất 2.170m² của bà C, mà chỉ thu hồi diện tích đất của Xí nghiệp Nông Công nghiệp chè Tân Trào quản lý; nhưng trên thực tế, Ủy ban nhân dân huyện S.D, tỉnh Tuyên Quang đã thu hồi cả diện tích đất 2.170m² của bà C. Việc Ủy ban nhân dân huyện S.D, tỉnh Tuyên Quang đã căn cứ vào Biên bản Cuộc hội nghị hiệp thương giữa chính quyền địa phương và Nông trường Tân Trào số: 112/BB ngày 15/3/1965 ghi phần đã ký của ông Hà Hữu H với tư cách là

thành phần tham gia hội nghị, trong khi đó thời điểm này ông H chưa phải là Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S.D, tỉnh Tuyên Quang (xác định là biên bản ngụy tạo); Quyết định số: 222/QĐ-UBND ngày 12/6/1991 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tuyên; Quyết định số: 218/UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang; Bản đồ của nông trường đo vẽ năm 1990 là bản đồ sai sự thật và một số nội dung khác không có căn cứ pháp luật để thực hiện thu hồi trái phép, nhằm chiếm đoạt thửa đất số 398, bản đồ 229 xã K của bà Hoàng Thị C, đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của gia đình bà C. Do vậy, ông Nguyễn Thanh X khởi kiện Ủy ban nhân dân huyện S.D, tỉnh Tuyên Quang tại Tòa án với nội dung sau:

- Yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện S.D, tỉnh Tuyên Quang trả lại cho ông Nguyễn Thanh X toàn bộ diện tích 2.170m² trong thửa đất số 398, bản đồ 229 xã K (diện tích đất này đã trừ 280m² đất đã chuyển nhượng cho ông V.T); vị trí trả lại tương đương với vị trí đất bị chiếm giữ trái phép (đất trong khu dân cư, vị trí 1, đường loại 1).

- Yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện S.D, tỉnh Tuyên Quang bồi thường thiệt hại cho ông Nguyễn Thanh X do không được sử dụng diện tích 2170m² đất từ năm 1994 đến năm 2021 (27 năm) số tiền: 72.000.000đ/năm x 27 năm = 1.944.000.000đ.

- Yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện S.D, tỉnh Tuyên Quang bồi thường tiền khiếu kiện, tem thư, in ấn theo Luật bồi thường năm 2017 cho ông Nguyễn Thanh X số tiền: (1.490.000đ/tháng x 07 tháng) x 27 năm = 281.610.000đ.

Theo Biên bản lấy lời khai của đương sự tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Về nguồn gốc và diễn biến sử dụng đất của hộ bà Hoàng Thị C: Diện tích đất ông Nguyễn Thanh X (con trai bà Hoàng Thị C) khởi kiện thuộc thửa đất số 421, mảnh số 10 có tổng diện tích 16.000 m², thể hiện tại tờ bản đồ giải thửa 299, do đoàn đo đạc II cục đo đạc bản đồ nhà nước lập ngày 20/3/1990, do Xí nghiệp Nông công nghiệp chè Tân Trào quản lý. Năm 1990, hộ bà Hoàng Thị C tự do lấn chiếm 1.517 m² đất tại khu vực đầu cầu Sắt, thuộc thửa đất số 421, có tổng diện tích 16.000 m² do Xí nghiệp Nông công nghiệp chè Tân Trào quản lý. Ngày 16/11/1990, Xí nghiệp Nông công nghiệp chè Tân Trào đã chỉ đạo cán bộ đến lập Biên bản hiện trường, đình chỉ việc làm nhà trái phép của hộ bà Hoàng Thị C và một số hộ gia đình khác. Ngày 24/12/1990, Xí nghiệp Nông công nghiệp chè Tân Trào ra Thông báo yêu cầu các hộ sử dụng đất của Xí nghiệp tháo dỡ toàn bộ công trình trả lại đất cho Xí nghiệp, nhưng các hộ gia đình không chấp hành. Ngày 05/3/1991, bà Hoàng Thị C chuyển nhượng nhà và đất ở với diện tích 280 m² cho ông Nguyễn V.T (giấy nhượng nhà và đất ở, bản viết tay có xác nhận UBND xã K). Ngày 13/4/1991, Xí nghiệp Nông công nghiệp chè Tân Trào cử cán bộ ra lập biên bản yêu cầu đình chỉ việc chiếm dụng đất trái phép của gia đình bà Hoàng Thị C và các hộ gia đình khác. Ngày 22/4/1991, Xí nghiệp Nông công

nghiệp chè Tân Trào có Báo cáo số 26 gửi các cơ quan chức năng về việc một số hộ gia đình lấn chiếm đất sản xuất của Xí nghiệp. Ngày 08/5/1991 khi thấy một móng đá xuất hiện, Xí nghiệp Nông công nghiệp chè Tân Trào lại tiếp tục cử người ra lập biên bản yêu cầu đình chỉ. Ngày 04/7/1991, Xí nghiệp Nông công nghiệp chè Tân Trào tiếp tục có báo cáo gửi các cơ quan chức năng đề nghị giải quyết việc lấn chiếm đất của gia đình bà C tại Báo cáo số 51. Kết quả giải quyết của cơ quan có thẩm quyền: Ngày 25/10/1991, Đoàn thanh tra liên ngành số 348 của tỉnh do Ban Quản lý ruộng đất tỉnh Tuyên Quang (nay là Sở Tài nguyên và Môi trường) chủ trì đã kết luận và được UBND tỉnh Tuyên Quang phê duyệt kết luận thanh tra tại Quyết định số 35/UB-QĐ ngày 14/1/1994 như sau: *“Khu vực đất đầu cầu S có 07 hộ gia đình chiếm đất của Xí nghiệp làm quán bán hàng kết hợp nhà ở trong đó có 06 hộ là cán bộ công nhân có hộ khẩu tại UBND thị trấn Nông trường chiếm số diện tích 186 m² “riêng bà C chiếm 1.517 m² tháng 4/1991 bà C đã bán 280 m² UBND xã K chứng thực cho mua bán và thu lệ phí”. “Kiến nghị: Đối với gia đình bà C phạt hành vi chiếm dụng đất trái phép – mua bán nhà đất trái phép, không thực hiện yêu cầu của chủ sử dụng đất hợp pháp là Xí nghiệp với mức 1.000.000 đồng, tịch thu tiền chuyển nhượng nhà đất 1.500.000 đồng, buộc tháo dỡ công trình trả lại đất cho Xí nghiệp sản xuất.”.* Ngày 25/4/1994, Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang có Quyết định số 218/QĐ-UB ngày 25/4/1994 về việc thu hồi và cấp đất cho UBND huyện S.D xây dựng đài tưởng niệm huyện S.D, trong đó có thu hồi thửa đất số 421, diện tích 16.000 m², do Xí nghiệp Nông công nghiệp chè Tân Trào quản lý để xây dựng đài tưởng niệm. Ngày 14/5/1994, Xí nghiệp nông công nghiệp chè Tân Trào (nay là Công ty chè Tân Trào) đã có biên bản giao đất cho UBND huyện S.D để xây dựng đài tưởng niệm huyện S.D theo Quyết định số 218/QĐ-UB ngày 25/4/1994 của UBND tỉnh Tuyên Quang.

Về quan điểm của Ủy ban nhân dân huyện S.D, tỉnh Tuyên Quang đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh X : Năm 1990, hộ bà Hoàng Thị C đã lấn chiếm đất trái phép của Xí nghiệp Nông công nghiệp chè Tân Trào (nay là Công ty chè Tân Trào) với diện tích đất 1.517 m². Diện tích đất này trước đây có vị trí trũng thấp, giáp bờ sông P.Đ , khi mưa to dễ xảy ra ngập lụt. Ngày 05/3/1991, hộ bà Hoàng Thị C chuyển nhượng một phần diện tích đất cho ông Nguyễn V.T với diện tích 280 m² là hành vi vi phạm Điều 5 Luật Đất đai ngày 29/12/1987. Ngày 25/4/1994, Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang có Quyết định số 218/QĐ-UB về việc thu hồi và cấp đất cho UBND huyện S.D xây dựng đài tưởng niệm huyện S.D là đúng theo quy định tại Điều 28 Luật Đất đai năm 1993. Những yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh X (con trai bà C) nêu ở trên là không có cơ sở để xem xét giải quyết. Do vậy, Ủy ban nhân dân huyện S.D, tỉnh Tuyên Quang không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh X , đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Theo Đơn trình bày, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Nguyễn Thị Minh T trình bày:

Diện tích 2.170m² trong thửa đất số 398, tờ bản đồ 299 xã K đứng tên bà Hoàng Thị C. Năm 1980, do bà T chuyển về H.N công tác nên để lại cho ông X về ở nhà để trông nom bố mẹ và toàn quyền sử dụng canh tác. Do vậy, đối với yêu cầu khởi kiện của ông X, bà T không có ý kiến gì và đề nghị Tòa án giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện S.D thụ lý, hoà giải nhưng không thành và đã đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2023/DS - ST, ngày 05 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện S.D đã quyết định:

Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 5; Điều 7 Luật Đất đai năm 1987; Điều 13; Điều 24; Điều 28; Điều 38 Luật Đất đai năm 1993; Điều 4; Điều 21; Điều 22; Điều 23; Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh X .
Cụ thể như sau:

- Không chấp nhận yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện S.D, tỉnh Tuyên Quang trả lại cho ông Nguyễn Thanh X toàn bộ diện tích 2.170m² trong thửa đất số 398, bản đồ 229 xã K (diện tích đất này đã trừ 280m² đất đã chuyển nhượng cho ông V.T); vị trí trả lại tương đương với vị trí đất bị chiếm giữ trái phép (đất trong khu dân cư, vị trí 1, đường loại 1).

- Không chấp nhận yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện S.D, tỉnh Tuyên Quang bồi thường thiệt hại cho ông Nguyễn Thanh X do không được sử dụng diện tích 2170m² đất từ năm 1994 đến năm 2021 (27 năm) số tiền: 72.000.000đ/năm x 27 năm = 1.944.000.000đ.

- Không chấp nhận yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện S.D, tỉnh Tuyên Quang bồi thường tiền khiếu kiện, tem thư, in ấn theo Luật bồi thường năm 2017 cho ông Nguyễn Thanh X số tiền: (1.490.000đ/tháng x 07 tháng) x 27 năm = 281.610.000đ.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Thanh X được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 17/01/2023, Tòa án nhận được đơn kháng cáo của người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn N nội dung kháng cáo như sau: Ông Nguyễn Văn N kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 01/2023/DS-ST ngày

05/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện S.D, tỉnh Tuyên Quang với lý do bản án sơ thẩm xử không khách quan, không đúng sự thật. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện S.D, tỉnh Tuyên Quang và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn N sửa nội dung kháng cáo: yêu cầu hủy bản án dân sự sơ thẩm, kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm thành đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm số 01/2023/DS - ST, ngày 05 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện S.D và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với nội dung:

- Yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện S.D trả lại cho ông Nguyễn Thanh X toàn bộ diện tích 2.170m² trong thửa đất số 398, bản đồ 229 xã K (diện tích đất này đã trừ 280m² đất đã chuyển nhượng cho ông V.T); vị trí trả lại tương đương với vị trí đất bị chiếm giữ trái phép (đất trong khu dân cư, vị trí 1, đường loại 1).

- Yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện S.D bồi thường thiệt hại cho ông Nguyễn Thanh X do không được sử dụng diện tích 2170m² đất từ năm 1994 đến năm 2021 (27 năm) số tiền: 72.000.000đ/năm x 27 năm = 1.944.000.000đ.

- Yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện S.D bồi thường tiền khiếu kiện, tem thư, in ấn theo Luật bồi thường năm 2017 cho ông Nguyễn Thanh X số tiền: (1.490.000đ/tháng x 07 tháng) x 27 năm = 281.610.000đ.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã thực hiện đảm bảo các thủ tục về phiên tòa phúc thẩm, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Đơn kháng cáo của người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn N là hợp lệ, trong hạn luật định, đương sự được miễn nộp tạm ứng án phí, nội dung kháng cáo nằm trong nội dung bản án sơ thẩm.

Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn có kháng cáo không xuất trình thêm tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình, do đó không có căn cứ để chấp nhận đối với yêu cầu kháng cáo. Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án tuyên xử: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh X là có căn cứ.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 điều 308 BLTTDS, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 01/2023/DS-ST ngày 05/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện S.D.

Về án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Thanh X là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về trình tự thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn N trong hạn luật định, nội dung kháng cáo nằm trong nội dung bản án sơ thẩm, đương sự là người cao tuổi nên được miễn tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật do đó đơn kháng cáo được công nhận là hợp lệ và được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu khởi kiện đề nghị Toà án giải quyết buộc Uỷ ban nhân dân huyện S.D trả lại diện tích đất 2.170m² mà Uỷ ban đã lấn chiếm của gia đình ông X; yêu cầu bồi thường thiệt hại trong thời gian ông không được sử dụng đất từ năm 1994 đến năm 2021 và bồi thường tiền khiếu kiện, tem thư, in ấn theo Luật bồi thường năm 2017. Từ những yêu cầu trên của ông Nguyễn Thanh X, xét thấy Toà án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là “Yêu cầu bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm” là chưa phù hợp, cần xác định lại quan hệ pháp luật là: “Yêu cầu trả lại diện tích đất bị lấn chiếm và bồi thường thiệt hại về đất” mới đảm bảo và phù hợp với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn N, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Tại phiên tòa ông N người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn đề nghị thay đổi nội dung kháng cáo từ yêu cầu Huỷ bản án sơ thẩm, sang yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông Nguyễn Văn N kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 01/2023/DS-ST ngày 05/01/2023 của Toà án nhân dân huyện S.D, vì cho rằng HĐXX cấp sơ thẩm căn cứ Biên bản hiệp thương số 112 ngày 15/3/1965 là không đủ căn cứ, biên bản ngụy tạo (do thời điểm lập biên bản ông H chưa công tác tại UBND huyện nhưng lại có chữ ký của người tham dự). Quyết định số 218/UB-QĐ ngày 25/4/1994 của UBND tỉnh Tuyên Quang chỉ thu hồi 12.993m² đất màu của Xí nghiệp chè nhưng UBND huyện đã thu hồi cả 2.450m² đất của bà C cùng với diện tích suối, ranh giới giữa thửa 398 để thành 16.000m². Nguyên đơn cho rằng có sự trùng lấn bản đồ giữa thửa 398 và thửa 421, dẫn đến UBND huyện S.D ngộ nhận là đất của Xí nghiệp chè nên đã vô tình chiếm đoạt cả đất của bà C.

Quyết định số 218/UB-QĐ ngày 25/4/1994 của UBND tỉnh Tuyên Quang quyết định: *Thu hồi diện tích đất là 12.993m², được giới hạn bởi các điểm....*, nội dung Quyết định này không thể hiện việc thu hồi toàn bộ thửa đất số 421, việc ông X cho rằng có sự trùng lấn bản đồ giữa thửa 398 và thửa 421, UBND huyện đã thu hồi cả 2.450m² đất của bà C cùng với diện tích suối, ranh giới giữa thửa 398 để thành 16.000m² là không có căn cứ. Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm,

Tòa án đã tiến hành xác minh ông Hà Hữu H cho biết biên bản được phô tô nên số ghi năm sao lục không rõ là năm 1969 hay 1989, ông khẳng định thời gian từ tháng 02/1983 đến 11/1989 ông là người ký bản sao lục.

Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm nguyên đơn không yêu cầu xem xét thẩm định tại chỗ, tại phiên toà phúc thẩm người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông N cho rằng hiện gia đình ông X cũng chỉ xác định được đất đang tranh chấp trên bản đồ giữa thửa 398, diện tích là 2.170m² không xác định được các vị trí, hình thù thửa đất nên không đề nghị thẩm định. Tại phiên toà nguyên đơn có kháng cáo nhưng không xuất trình thêm tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình, do đó không có căn cứ để chấp nhận đối với yêu cầu kháng cáo.

Do vậy, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án tuyên xử: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh X là có căn cứ, căn áp dụng khoản 1 điều 308 BLTTDS, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 01/2023/DS-ST ngày 05/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện S.D, tỉnh Tuyên Quang.

[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Thanh X là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn N , giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 01/2023/DS-ST ngày 05/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện S.D như sau:

Căn cứ điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 5; Điều 7 Luật Đất đai năm 1987; Điều 13; Điều 24; Điều 28; Điều 38 Luật Đất đai năm 1993; Điều 4; Điều 21; Điều 22; Điều 23; Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh X. Cụ thể như sau:

- Không chấp nhận yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện S.D, tỉnh Tuyên Quang trả lại cho ông Nguyễn Thanh X toàn bộ diện tích 2.170m² trong thửa đất số 398, bản đồ 229 xã K (diện tích đất này đã trừ 280m² đất đã chuyển nhượng cho ông

V.T); vị trí trả lại tương đương với vị trí đất bị chiếm giữ trái phép (đất trong khu dân cư, vị trí 1, đường loại 1).

- Không chấp nhận yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện S.D, tỉnh Tuyên Quang bồi thường thiệt hại cho ông Nguyễn Thanh X do không được sử dụng diện tích 2170m² đất từ năm 1994 đến năm 2021 (27 năm) số tiền: 72.000.000đ/năm x 27 năm = 1.944.000.000đ.

- Không chấp nhận yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện S.D, tỉnh Tuyên Quang bồi thường tiền khiếu kiện, tem thư, in ấn theo Luật bồi thường năm 2017 cho ông Nguyễn Thanh X số tiền: (1.490.000đ/tháng x 07 tháng) x 27 năm = 281.610.000đ.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Thanh X là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (ngày 26/5/2023).

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND huyện S.D;
- Chi cục THADS huyện S.D;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ma Hồng Thắng